

Thứ năm, ngày 10 tháng 9 năm 2020

Vietnam Daily Review

Vận động tích lũy trong vùng 880-900 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/9/2020		•	
Tuần 7/9-11/9/2020		•	
Tháng 9/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tăng điểm trong cả phiên sáng nhưng suy yếu dần và đảo chiều ở cuối phiên chiều. Dòng tiền đầu tư chảy vào thị trường với 10/19 nhóm ngành tăng điểm. Khối ngoại mua ròng mạnh trở lại trên sàn HSX chủ yếu nhờ GDTT 75 triệu cổ phiếu VHM vào phiên ATC. Thanh khoản thị trường suy giảm nhẹ, độ rộng thị trường tích cực và biên độ thị trường thu hẹp phản ánh tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư. VN-Index dự kiến sẽ tiếp tục vận động tích lũy ngắn hạn trong vùng 880 -900 điểm trong thời gian tới. Nhà đầu tư có thể cân nhắc gia tăng tỷ trọng danh mục ở những cổ phiếu cơ bản tốt.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 815 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/9/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bắt động sản Khu công nghiệp_1.8%

Phân tích kỹ thuật: GMD_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.50** điểm, đóng cửa **888.82** điểm. HNX-Index **-0.11** điểm, đóng cửa **125.82** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR(+0.45); VNM(+0.45); TCB(+0.24); GAS(+0.16); REE(+0.16)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BCM(-0.87); VHM(-0.47); BID(-0.34); PLX(-0.29); BVH(-0.21)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,886** tỷ đồng, **-7.2%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 7.96 điểm, thu hẹp so với phiên liền trước. Thị trường **221** mã tăng, **72** mã tham chiều và **179** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **5031.51** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (5497 tỷ), FUEVFVND (14.8 tỷ) và E1VFN30 (11.9 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **1.79** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **888.82**

Giá trị: 4886.13 tỷ **-0.5 (-0.06%)**

Khối ngoại (ròng): 5031.51 tỷ

HNX-INDEX **125.82**

Giá trị: 467.76 tỷ **-0.11 (-0.09%)**

Khối ngoại (ròng): 1.79 tỷ

UPCOM-INDEX **59.03**

Giá trị: 0.34 tỷ **0.19 (0.32%)**

Khối ngoại(ròng): 17.51 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	37.7	-0.84%
Giá vàng	1,947	0.02%
Tỷ giá USD/VND	23,178	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,409	0.33%
Tỷ giá JPY/VND	21,861	0.18%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	29.27%
LS TPCP 5 năm	1.7%	-2.42%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	5497.0	HPG	-247.2
FUEVFVNI	14.8	VNM	-27.2
E1VFN30	11.9	NBB	-22.0
VRE	8.7	GEX	-21.0
GVR	5.7	FUESSVFL	-18.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_1.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	20/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bất động sản Khu công nghiệp	1.8%	2.0%	4.3%	20.2%	20.2%	21.1%	32.4%
Xây dựng	1.6%	1.6%	2.2%	16.7%	16.7%	7.8%	32.1%
Cổ phiếu ngành Dược	1.2%	1.1%	2.2%	15.0%	15.0%	5.4%	23.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.1%	-0.4%	1.0%	12.9%	12.9%	-4.5%	31.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.0%	2.7%	3.7%	14.6%	14.6%	17.1%	22.7%
Chiến tranh thương mại	0.9%	1.3%	3.3%	18.6%	18.6%	2.6%	32.4%
Nước & Năng lượng	0.9%	0.8%	2.8%	15.6%	15.6%	4.0%	27.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.6%	-0.7%	1.1%	11.6%	11.6%	-0.8%	29.1%
VN Diamond	0.6%	-1.3%	0.0%	9.7%	9.7%	-9.8%	32.9%
Hàng tiêu dùng	0.5%	0.3%	2.1%	13.5%	13.5%	4.1%	31.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.4%	-1.1%	-0.1%	9.7%	9.7%	-3.8%	29.8%
Lãi suất giảm	0.4%	1.8%	4.5%	17.1%	17.1%	13.5%	34.0%
Đầu tư công	0.3%	1.6%	2.3%	17.9%	17.9%	11.2%	29.4%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.3%	-1.3%	-0.3%	13.8%	13.8%	0.7%	26.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.2%	-1.6%	-0.5%	9.6%	9.6%	-12.0%	34.4%
VN FinSelect	0.2%	-1.8%	-0.1%	6.5%	6.5%	-5.0%	31.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.1%	-1.9%	-0.4%	6.6%	6.6%	-5.2%	33.3%
FTSE Việt Nam	0.1%	-1.6%	1.3%	6.5%	6.5%	-4.9%	26.7%
Ngân Hàng	0.0%	-2.2%	-0.7%	12.5%	12.5%	2.8%	35.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.0%	-1.9%	1.1%	7.2%	7.2%	-7.2%	26.7%
Dầu khí	-0.1%	-1.6%	-0.9%	7.1%	7.1%	-18.1%	41.3%
Corona Avengers	-0.1%	-0.6%	2.6%	11.5%	11.5%	7.4%	37.6%
Stay-at-home	-0.1%	1.0%	2.5%	16.1%	16.1%	21.4%	36.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.2%	-1.2%	2.2%	11.3%	11.3%	4.5%	31.9%
Vật liệu Xây dựng	-0.2%	-1.0%	-0.3%	11.7%	11.7%	9.1%	30.0%

Mục tiêu	9/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S21	1.9%	0.9%	2.8%	14.3%	14.3%	-1.3%	29.7%
L22	1.1%	-0.3%	1.3%	12.2%	12.2%	-4.8%	29.8%
M12	0.6%	-1.1%	0.3%	8.8%	8.8%	-3.0%	27.3%
S11	0.6%	-0.2%	2.0%	12.7%	12.7%	11.9%	27.7%
L11	0.4%	-1.0%	0.6%	10.4%	10.4%	-2.0%	26.3%
S32	0.3%	-0.7%	1.1%	10.4%	10.4%	-10.6%	35.9%
M31	0.3%	-1.1%	0.4%	12.8%	12.8%	-2.1%	32.7%
M22	0.1%	-1.4%	-0.1%	9.3%	9.3%	3.5%	27.7%
L32	0.0%	-1.7%	0.9%	9.2%	9.2%	-11.8%	32.8%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	1.0%	0.5%	2.3%	15.5%	15.5%	11.5%	27.4%
LOW1	0.5%	-0.6%	0.6%	6.9%	6.9%	-4.0%	27.5%
HIGH3	0.3%	-1.0%	0.9%	10.0%	10.0%	-4.6%	30.5%

INDEX							
VNINDEX	-0.1%	-1.4%	0.8%	7.7%	7.7%	-7.5%	26.1%
VN30INDEX	0.2%	-1.7%	0.2%	7.2%	7.2%	-6.1%	27.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	20	5	18	7	16	9
Mục tiêu	9	9	0	8	1	5	4
Rủi ro	3	3	0	3	0	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 10/09

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	37.81	-0.63%	-8.90%	-10.30%	-28.15%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.63	-0.39%	-7.80%	-9.70%	-30.74%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	112.01	0.07%	-6.80%	-4.00%	-25.55%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1945.97	-0.04%	0.80%	1.80%	27.03%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.02	0.15%	1.60%	9.00%	45.21%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	977.50	-0.13%	1.60%	11.90%	4.97%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	545.00	0.23%	-2.40%	9.10%	6.39%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.48	-1.75%	1.10%	11.90%	8.01%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	167.48	1.11%	-3.80%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.67	-0.08%	-4.30%	-4.40%	-3.13%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	128.85	-2.46%	-1.90%	9.30%	12.68%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6734.00	0.99%	0.60%	6.80%	16.66%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	537.23	-0.76%	-3.00%	-0.20%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1784.00	-0.45%	-0.10%	0.70%	-2.25%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	122.28	-0.65%	-2.90%	1.10%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	51.90	2.17%	0.40%	-4.40%	-34.10%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 9/9, dầu thô Brent tăng 1.01 USD hay 2.5% lên 40.79 USD/thùng. Dầu thô WTI tăng 1.29 USD hay 3.5% lên 38.05 USD/thùng.
- Giá dầu phiên vừa qua bật tăng trở lại từ mức thấp nhất 3 tháng trong phiên trước, nhưng sự gia tăng số ca nhiễm virus corona tại một số nước đã làm suy yếu hy vọng về sự phục hồi ổn định trong nhu cầu toàn cầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,945.2 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 đóng cửa tăng 0.6% lên 1,954.90 USD.
- USD giảm 0.2% sau khi Bloomberg báo cáo tăng trưởng và lạm phát dự kiến của ECB được công bố trong ngày 10/9 sẽ thay đổi nhẹ so với dự báo hồi tháng 6 của ngân hàng này.

Giá sắt thép

- Thép thanh giao tháng 1/2021 giảm 2.2% xuống 3,658 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng đã giảm 2.9% xuống 3,752 CNY/tấn.
- Hợp đồng quặng sắt trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa giảm 3.4% xuống 825 CNY/tấn.
- Giá thép và thành phần sản xuất thép của Trung Quốc giảm trong phiên, với thép không gỉ giảm 4.2% và quặng sắt đóng cửa giảm 3.4%, do lo lắng về sự phục hồi kinh tế toàn cầu chậm lại và nhu cầu tại Trung Quốc yếu.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 10 đóng cửa 0.01 US cent xuống 12.03 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 10 giảm 2.4 USD hay 0.7% xuống 358 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 đóng cửa giảm 3.25 US cent hay 2.5% xuống 1.2885 USD/lb, giảm phiên thứ 2 liên tiếp. Cà phê robusta kỳ hạn jthangs 11 tăng 5 USD hay 0.4% lên 1,416 USD/tấn.

	10/9	% 10/9	9/9	% 9/9	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	888.82	-0.06%	889.32	-0.09%	-1.68%	5.41%
S&P 500			3398.96	2.01%	-3.62%	1.42%
HĐTL S&P500	3370.75	-0.57%	3390.00	1.95%	-5.55%	0.85%
Shang- hai	3234.82	-0.61%	3254.63	-1.86%	-4.44%	-3.16%
Euro Stoxx	3310.66	-0.43%	3324.83	1.76%	0.19%	-0.64%

Phân tích kỹ thuật

GMD_Bút phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: GMD vẫn đang ở trong trạng thái tiếp tục tăng giá từ đầu tháng 8 đến nay sau giai đoạn điều chỉnh vào tháng 7. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Hôm nay, lực cầu tăng cao đã đẩy giá GMD vượt qua vùng cản tại khu vực 22.5-23. Các chỉ báo xu hướng hiện đều đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của cổ phiếu. Bên cạnh đó, dù cho chỉ báo động lượng RSI đã đi vào vùng quá mua nhưng đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên GMD vẫn có thể sẽ duy trì đà tăng trong thời gian tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của cổ phiếu nằm tại khu vực xung quanh 21.5. Mục tiêu chốt lãi của GMD nằm tại mức 26.7, cắt lỗ nếu ngưỡng 20.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

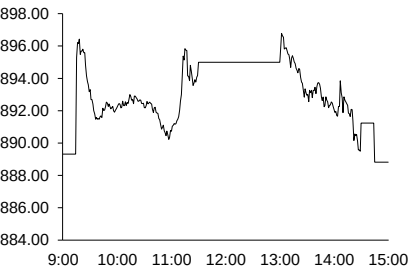
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	-1.36%
Bảo hiểm	-1.12%
Truyền thông	-0.94%
Bất động sản	-0.46%
Công nghệ Thông tin	-0.13%
Du lịch và Giải trí	-0.07%
Ngân hàng	-0.05%
Xây dựng và Vật liệu	-0.03%
Viễn thông	0.00%
Tài nguyên Cơ bản	0.02%
Thực phẩm và đồ uống	0.09%
Y tế	0.36%
Ô tô và phụ tùng	0.47%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.51%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.53%
Dịch vụ tài chính	0.57%
Bán lẻ	0.65%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.88%
Hóa chất	1.49%

Hình 1

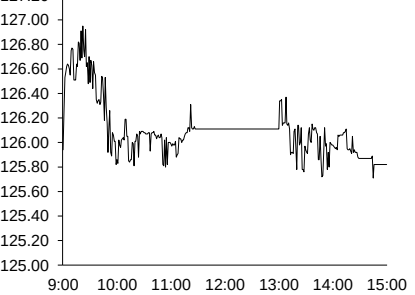
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

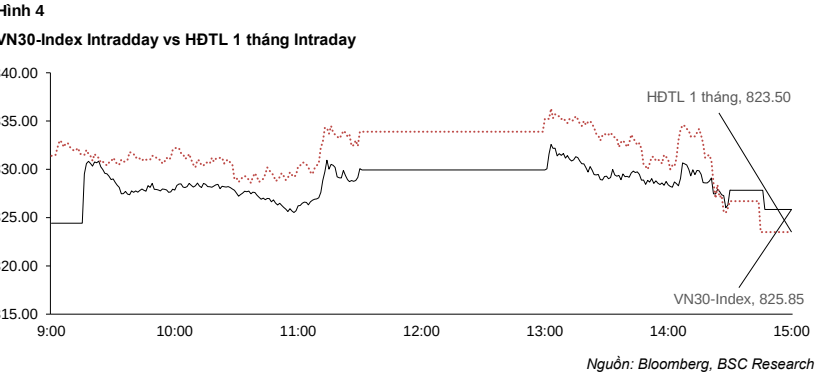
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	18.45	1	-1.07%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	18.3	2	-3.17%	Có thể tiếp tục mua
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	7.1	3	5.97%	Có thể tiếp tục mua
9/4/2020	VCS	67	76	60	67.8	6	1.19%	Có thể tiếp tục mua
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	12.8	7	1.59%	Có thể tiếp tục mua
8/31/2020	VJC	103	112	100	106	10	2.91%	Có thể tiếp tục mua
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	22.8	13	-3.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	26.2	14	3.15%	Có thể tiếp tục mua
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	93.9	16	7.19%	Có thể tiếp tục mua
8/21/2020	GVR	11.85	13	11.4	12.8	20	8.02%	Cần nhắc không mua thêm (**)
8/20/2020	SHB	13.4	15.4	12.6	13.9	21	3.73%	Có thể tiếp tục mua
8/17/2020	VTP	98.4	118.27	93.43	104	24	5.69%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	20.9	30	6.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	44.3	31	-0.23%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	7.39	9.99	6.61	8.26	35	11.77%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	73.8	38	9.41%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.9	71	0.78%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	31.2	78	1.66%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.55	84	11.95%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	78.1	86	4.27%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/1/2020	VGT	8.1	9	7.5	TP	7	11.11%
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	TP	14	5.54%
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	TP	7	6.61%
8/19/2020	TCB	20.2	21.5	19.2	TP	9	6.44%
8/18/2020	MBB	17	18	16.2	TP	7	5.88%
8/14/2020	DVN	12.3	13.9	11.5	TP	4	13.01%
8/13/2020	PLX	46.6	48.3	44.6	TP	11	3.65%
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	TP	22	6.74%
8/7/2020	C32	22.97	24.72	21.78	TP	17	7.62%
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	TP	30	17.14%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	TP	29	13.27%
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	TP	34	30.00%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời		SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	16	4	5.39%	-1.97%	3.92%	30
Cổ phiếu đã chốt	26	21	10.67%	-9.52%	1.65%	22

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2009	823.50	-0.78%	-2.35	-29.6%	157,280	9/17/2020	7
VN30F2010	824.10	-0.83%	-1.75	0.4%	1,426	10/15/2020	35
VN30F2012	818.00	-0.58%	-7.85	149.6%	302	12/17/2020	98
VN30F2103	813.60	-1.00%	-12.25	-35.6%	67	3/18/2021	189

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ +1.43 điểm, lên mức 825.85 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VNM, VHM, STB tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh vùng 825-830 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục tích lũy quanh 825 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2008 và VN30F2012 đang giảm, trong khi VN30F2009 và VN30F2103 đang tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 815 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CREE2004	10/23/2020	43	3:1	97,140	29.52%	1,570	3,200	23.55%	3,222	0.99	34,210	29,500	39,000
CREE2003	10/29/2020	49	5:1	112,880	29.52%	1,000	1,830	21.19%	1,840	0.99	35,000	30,000	39,000
CVNM2004	11/30/2020	81	1:1	18,900	33.43%	17,500	15,680	11.60%	12,196	1.29	133,973	116,473	124,700
CVHM2003	10/29/2020	49	10:1	397,130	38.42%	1,000	1,250	8.70%	974	1.28	80,000	70,000	78,100
CVNM2009	11/20/2020	71	10:1	77,830	33.43%	1,810	2,360	5.83%	2,048	1.15	125,100	107,000	124,700
CMWG2009	10/23/2020	43	8:1	134,460	41.83%	1,600	1,730	4.85%	1,680	1.03	94,800	82,000	93,900
CMWG2008	10/29/2020	49	10:1	197,010	41.83%	1,300	1,210	1.68%	1,142	1.06	98,000	85,000	93,900
CSTB2008	11/20/2020	71	1:1	109,430	43.39%	1,500	1,830	1.67%	1,473	1.24	11,700	10,200	11,200
CPNJ2007	11/20/2020	71	5:1	108,070	39.51%	1,670	2,080	0.97%	1,715	1.21	61,350	53,000	59,800
CHPG2015	3/1/2021	172	1:1	43,760	38.15%	6,700	6,120	-0.16%	2,002	3.06	33,200	26,500	24,550
CHPG2008	11/30/2020	81	1:1	175,520	38.15%	4,100	3,770	-0.53%	699	5.39	32,100	28,000	24,550
CMWG2010	1/14/2021	126	10:1	126,080	41.83%	1,400	1,790	-0.56%	1,672	1.07	96,000	82,000	93,900
CHPG2011	10/20/2020	40	2:1	169,710	38.15%	2,350	2,730	-0.73%	503	5.42	29,900	25,200	24,550
CHPG2013	12/1/2020	82	1:1	26,710	38.15%	6,900	6,820	-1.02%	2,171	3.14	30,900	24,000	24,550
CVHM2002	11/30/2020	81	1:1	182,530	38.42%	11,500	7,240	-1.63%	6,568	1.10	88,500	77,000	78,100
CDPM2002	12/16/2020	97	1:1	66,360	43.36%	1,700	3,810	-2.31%	2,489	1.53	16,952	15,252	16,850
CHPG2009	10/29/2020	49	2:1	45,390	38.15%	1,600	3,880	-4.20%	1,342	2.89	25,700	22,500	24,550
CHPG2002	12/16/2020	97	2:1	223,560	38.15%	1,700	1,670	-6.70%	240	6.96	33,399	29,999	24,550
CHDB2003	12/16/2020	97	2:1	303,160	40.40%	2,700	1,040	-7.14%	751	1.39	37,523	32,123	29,300
CHPG2010	4/5/2021	207	4:1	258,460	38.15%	1,800	1,120	-7.44%	185	6.05	40,300	33,100	24,550
Tổng				2,615,630	38.09%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 10/9/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.
- CREE2004 và CREE2005 tăng mạnh lần lượt là 23.55% và 22.62%. Trái lại, CSBT2007 và CHPG2010 giảm mạnh lần lượt là -8.57% và -7.44%. Giá trị giao dịch giảm -13.79%. CVHM2002 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.99% thị trường.
- CSTB2003, CVPB2006, CVRE2005, CREE2004, và CREE2003 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CVNM2004, và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
TCB	21.45	1.18	0.74
VNM	124.70	0.73	0.63
REE	39.00	4.98	0.37
MWG	93.90	0.54	0.19
HDB	29.30	0.69	0.18

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VHM	78.1	-0.64	-0.25
STB	11.2	-0.88	-0.22
PLX	50.1	-1.57	-0.11
VPB	22.8	-0.22	-0.11
KDH	24.0	-1.03	-0.11

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	93.9	0.5%	1.2	1,848	3.0	8,348	11.2	3.0	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	59.8	0.5%	1.3	585	0.8	4,629	12.9	2.9	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	48.3	-2.0%	1.3	1,559	3.9	1,640	29.5	1.8	28.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	30.2	-0.3%	0.3	293	0.0	2,651	11.4	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	90.5	0.0%	0.8	13,309	1.7	2,336	38.7	3.6	13.8%	9.5%
VRE	Bất động sản	28.4	0.0%	1.1	2,806	2.1	1,057	26.9	2.3	30.6%	8.9%
VHM	Bất động sản	78.1	-0.6%	1.3	11,170	14.5	6,686	11.7	3.8	20.4%	36.5%
DXG	Bất động sản	9.9	1.1%	1.4	224	1.2	658	15.1	0.8	35.5%	2.9%
SSI	Chứng khoán	15.9	0.0%	1.3	414	6.1	1,718	9.2	1.0	48.2%	10.7%
VCI	Chứng khoán	27.8	-0.9%	1.0	200	0.9	4,110	6.8	1.2	28.9%	18.7%
HCM	Chứng khoán	19.9	0.8%	1.7	263	4.2	1,608	12.3	1.4	48.9%	11.5%
FPT	Công nghệ	49.2	0.0%	0.8	1,677	2.2	4,280	11.5	2.6	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	48.6	0.2%	0.4	578	0.0	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.0	0.4%	1.4	5,991	1.9	5,169	13.9	2.6	3.3%	20.5%
PLX	Dầu khí	50.1	-1.6%	1.5	2,627	3.3	867	57.8	3.0	15.5%	5.1%
PVS	Dầu khí	12.4	0.0%	1.5	258	0.9	1,339	9.3	0.5	10.4%	5.2%
BSR	Dầu khí	6.6	0.0%	0.8	890	0.5	898	7.3	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	102.9	0.5%	0.5	585	0.0	5,044	20.4	4.2	54.7%	21.2%
DPM	Hóa chất	16.9	-0.6%	0.5	287	1.8	1,700	9.9	0.8	11.1%	8.9%
DCM	Hóa chất	9.4	-0.4%	0.5	215	0.6	709	13.2	0.8	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	82.1	-0.1%	1.1	13,239	2.5	4,915	16.7	3.4	23.6%	22.0%
BID	Ngân hàng	40.5	-0.7%	1.3	7,082	1.5	2,132	19.0	2.1	17.6%	12.3%
CTG	Ngân hàng	25.3	0.0%	1.2	4,096	2.9	2,995	8.4	1.2	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	22.8	-0.2%	1.2	2,417	3.5	4,126	5.5	1.2	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	17.8	0.3%	1.0	1,866	2.4	3,497	5.1	1.0	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	20.9	0.0%	0.9	1,964	3.0	2,884	7.2	1.5	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	56.3	-0.4%	0.9	200	0.4	5,781	9.7	1.9	83.0%	19.5%
NTP	Nhựa	32.0	0.9%	0.4	164	0.1	3,348	9.6	1.5	18.9%	16.0%
MSR	Tài nguyên	17.3	-0.6%	0.3	744	0.0	356	48.6	1.4	1.9%	2.9%
HPG	Thép	24.6	0.2%	1.2	3,537	13.0	2,632	9.3	1.6	35.1%	18.1%
HSG	Thép	11.9	-1.7%	1.5	229	3.6	1,767	6.7	0.9	9.3%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	124.7	0.7%	0.8	9,441	4.6	5,538	22.5	7.2	58.6%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	189.0	-0.5%	0.8	5,270	0.7	6,328	29.9	6.6	63.2%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	54.8	-0.4%	1.0	2,799	1.8	3,255	16.8	2.8	38.2%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	14.1	0.0%	0.8	360	1.8	561	25.1	1.1	5.7%	5.1%
ACV	Vận tải	61.2	4.8%	0.8	5,793	1.9	3,450	17.7	3.6	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	106.0	0.0%	1.1	2,414	2.1	3,480	30.5	3.7	17.7%	12.3%
HVN	Vận tải	26.2	0.0%	1.7	1,616	0.5	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%
GMD	Vận tải	23.8	5.5%	0.9	307	1.6	1,381	17.2	1.2	49.0%	6.8%
PVT	Vận tải	11.6	0.9%	1.2	142	0.4	2,076	5.6	0.7	20.8%	13.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.8	-0.1%	1.0	458	0.7	8,104	8.4	3.2	3.0%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	21.7	0.0%	0.8	423	0.5	1,363	15.9	1.5	7.7%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	-2.3%	1.0	250	0.9	1,937	7.8	1.0	6.0%	13.5%
CTD	Xây dựng	73.8	0.7%	1.1	245	1.2	8,453	8.7	0.7	46.7%	7.9%
CII	Xây dựng	18.0	1.1%	0.3	187	1.0	1,562	11.5	0.8	35.7%	7.6%
REE	Điện	39.0	5.0%	-1.4	526	1.7	4,780	8.2	1.2	49.0%	14.8%
PC1	Điện	19.5	0.3%	-0.4	135	0.2	2,176	8.9	0.8	16.2%	9.9%
POW	Điện	10.1	0.5%	0.6	1,023	0.9	933	10.8	0.8	11.2%	8.1%
NT2	Điện	23.4	2.0%	0.6	292	0.3	2,685	8.7	1.5	18.8%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.8	0.4%	0.8	281	1.4	1,156	11.9	0.7	20.2%	5.8%
BCM	Khu công nghiệp	45.0	-6%	1.1	2,025	1.3	#N/A	N/A	N/A	3.2	1.8% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	12.80	3.23	0.45	2.36MLN
VNM	124.70	0.73	0.44	848330
TCB	21.45	1.18	0.25	1.52MLN
GAS	72.00	0.42	0.16	620770
REE	39.00	4.98	0.16	1.01MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BCM	-0.01	-0.87	667220	1.11MLN
VHM	0.00	-0.47	4.23MLN	607060
BID	0.00	-0.34	846810.00	373600
PLX	0.00	-0.29	1.51MLN	192700
BVH	0.00	-0.21	1.82MLN	611640

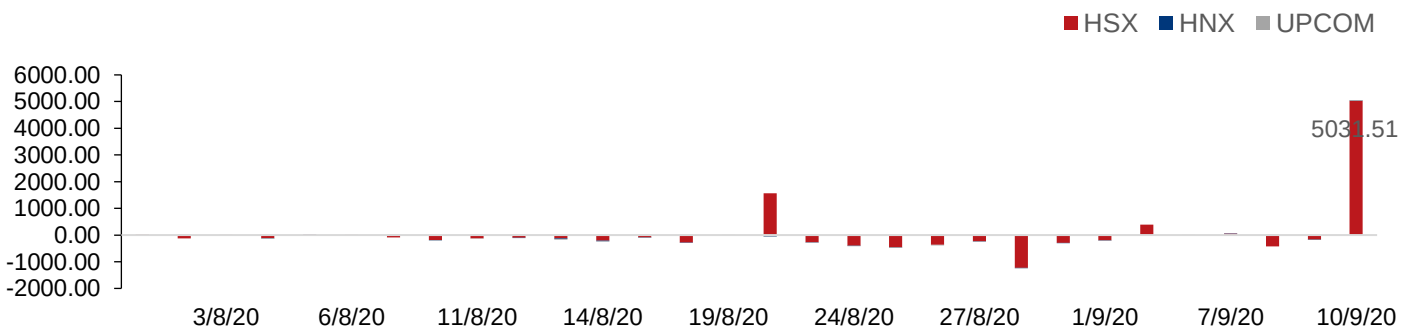
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L10	16.05	7.00	0.00	2280.00
IDI	4.75	6.98	0.02	6.69MLN
TIP	26.90	6.96	0.01	753380
VRC	6.66	6.90	0.01	306350
FTM	1.40	6.87	0.00	663540

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HOT	41.85	-7.00	-0.01	10
DTA	4.03	-6.93	0.00	55620
TMT	5.40	-6.90	0.00	1990.00
SMA	11.60	-6.83	-0.01	1090
SFC	21.45	-6.74	-0.01	10

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	93.9	8,348	11.2	3.0	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.6	885	9.7	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	40.7	5,512	7.4	1.4	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.0	1,948	12.3	1.7	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	24.6	2,632	9.3	1.6	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.5	3,314	8.3	1.3	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	22.8	4,126	5.5	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	47.9	9,998	4.8	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	54.8	3,255	16.8	2.8	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	40.5	4,670	8.7	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	11.9	1,767	6.7	0.9	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	44.3	5,479	8.1	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	27.7	2,103	13.2	2.3	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	24.6	2,632	9.3	1.6	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	21.5	3,103	6.9	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	59.8	4,629	12.9	2.9	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	104.0	4,105	25.3	8.9	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	9.9	658	15.1	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	21.0	1,721	12.2	1.2	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	23.0	7,583	3.0	1.2	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	26.5	5,224	5.1	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	51.4	4,739	10.8	2.2	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	82.1	4,915	16.7	3.4	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	20.9	2,884	7.2	1.5	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	40.7	5,512	7.4	1.4	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.5	5,872	10.0	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	49.2	4,280	11.5	2.6	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.8	1,381	17.2	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.8	1,156	11.9	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	189.0	6,328	29.9	6.6	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.0	1,948	12.3	1.7	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	124.7	5,538	22.5	7.2	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.6	1,407	9.0	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	93.9	8,348	11.2	3.0	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	18.6	2,088	8.9	1.3	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	102.9	5,044	20.4	4.2	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	11.6	2,076	5.6	0.7	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	59.8	4,629	12.9	2.9	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	34.1	4,313	7.9	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	205.5	14,782	13.9	5.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
2	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
3	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
4	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
7	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
11	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
12	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
14	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
15	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
16	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
19	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
20	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
21	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
22	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
26	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
27	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
29	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
32	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
36	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
38	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
40	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VNM 2020Q3	7/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 125100 ; Giá tại Publish 114800 Định giá: BSC khuyến nghị Theo dõi VNM với giá mục tiêu là 125,100 đồng , upside 9% so với giá đóng cửa 06/08/2020 là 114,800 vnd/cp. Định giá dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 21x.
Express PLC 2020Q3	6/8/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 21500 ; Giá tại Publish 17200 Cập nhật KQKD: Trong Q2/2020, PLC đã ghi nhận DTT và LNST lần lượt ở mức 1,188 tỷ VND (-22% yoy) và 57 tỷ VND (+46% yoy). Về doanh thu, mảng dầu mỡ nhờn +3.8% yoy, mảng nhựa đường +15.5% yoy. Trong thời gian tới, PLC có nhiều dự án được kỳ vọng sẽ đóng góp thêm vào mảng nhựa đường như (1) Cam Lộ La Sơn, (2) Trung Lương Mỹ Thuận, (3) Bến Lức Long Thành và 2 dự án sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất. Dự báo KQKD: Dự kiến: doanh thu đạt 95% kế hoạch và lợi nhuận đạt 100% kế hoạch, tương ứng DT đạt 1,663 tỷ (+18.5% YoY) và LNTT đạt 260 tỷ (+28% YoY).
Express IMP 2020Q3	28/7/20	Cập nhật KQKD Trong Q2, T4 và T5 giảm nhẹ, T6 phục hồi trở lại (+ 198% YoY). Tuy nhiên, diễn biến dịch tại Đà Nẵng khiến tình hình kém khả quan hơn (do người dân sợ đến bệnh viện).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepbh@bsc.com.vn